

Trong đơn khởi kiện ngày 15/11/2021 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu M trình bày: Chị và anh Lưu Tấn Phú Q chung sống với nhau vào năm 2019, hôn nhân do tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 11/11/2021 tại UBND xã T L, huyện CD, tỉnh Long An. Sau khi sống chung, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm về mọi mặt, anh Q thường xuyên có hành vi bạo lực đối với chị, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên bất hòa và do anh Q đánh đuổi nên chị về nhà cha mẹ ruột chị ở ngày 10/11/2021 nhưng thực tế vợ chồng đã

sống ly thân từ ngày 11/6/2021 đến cho đến nay. Thời gian sống ly thân, vợ chồng không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Q.

Về nuôi con chung: có con 01 chung là Lưu Minh H, sinh ngày 29/11/2020, hiện sống với anh Q. Chị M yêu cầu anh Q giao con lại cho chị nuôi dưỡng, chị không Yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Không có tài sản chung .

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Lưu Tấn Phú Q trình bày tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án:

Anh thống nhất với trình bày của chị Nguyễn Thị Thu M về thời gian sống chung, đăng ký kết hôn, thời gian sống ly thân và những nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng, anh đồng ý là anh có đánh chị M nhưng không thường xuyên và mỗi lần đánh chị M là có nguyên nhân vì chị M cứ mắng chửi con và gần đây anh có đánh đuổi chị M nên chị M bỏ đi về nhà mẹ ruột ở ngày 10/11/2021 đến nay. Nay chị M yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý vì anh vẫn còn yêu thương vợ nên anh xin cho anh thêm thời gian 02 tháng tính từ ngày 06/12/2021 để anh tìm cách hàn gắn tình cảm với chị M nếu như không hàn gắn được thì anh sẽ đồng ý ly hôn với chị M.

Về nuôi con chung: có con 01 chung là Lưu Minh H, sinh ngày 29/11/2020, hiện sống với anh Q. Khi chị M bỏ đi anh không cho chị M mang con theo, việc chị M yêu cầu anh Q giao con lại cho chị M nuôi dưỡng, anh Q cũng đồng ý.

Về chia tài sản: Không có tài sản chung .

Về nợ chung: Không có.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Q nhưng anh Q không tham gia phiên hòa giải lần hai và không tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Thu M khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lưu Tấn Phú Q là quan hệ tranh chấp ly hôn và nuôi con chung. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CD, tỉnh Long An.

Đối với anh Lưu Tấn Phú Q, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng anh Q không đến tham gia phiên tòa. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt anh Q.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu M và anh Lưu Tấn Phú Q cưới nhau vào năm 2019, hôn nhân do tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 11/11/2021 tại UBND xã TL, huyện CD, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của chị M tại phiên tòa và lời trình của anh Q trong quá trình giải quyết vụ án thì nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm về mọi mặt, anh Q thường xuyên có hành vi bạo lực đối với chị M. Khi mâu thuẫn xảy ra cả hai không cùng nhau giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm, chị M bỏ về nhà mẹ ruột ở nên chị M và anh Q đã sống ly thân từ ngày 11/6/2021 cho đến nay. Chị M nhận thấy không còn tình cảm với anh Q nên yêu cầu được ly hôn với anh Q. Đối với anh Q, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Q không tham gia phiên hòa giải lần 02 vào ngày 25/02/2022 sau khi anh Q yêu cầu cho thời gian 02 tháng kể từ phiên hòa giải lần 01 ngày 06/12/2021 để anh Q thuyết phục chị M. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị M và anh Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cần xử chấp nhận cho chị M được ly hôn với anh Q.

[2.2] Về nuôi con chung: Có 01 con chung là Lưu Minh H, sinh ngày 29/11/2020, hiện sống với anh Q. Chị M yêu cầu được quyền nuôi con và yêu cầu anh Q giao con lại cho chị M nuôi dưỡng. Tại phiên hòa giải lần 01 ngày 06/12/2021 anh Q cũng đồng ý giao con chung cho chị M nuôi dưỡng vì cháu H dưới 36 tháng tuổi cần sự chăm sóc của người mẹ nên yêu cầu của chị M là có căn cứ chấp nhận.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị M không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.4] Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị M và anh Q trình bày không có tài sản chung và nợ chung nên không đề cập.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị M phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

[4] Về quyền, thời hạn kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và tranh chấp nuôi con của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu M với bị đơn anh Lưu Tấn Phú Q.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu M được ly hôn với anh Lưu Tấn Phú Q.

2. Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Thu M được quyền trực tiếp nuôi con là Lưu Minh H, sinh ngày 29/11/2020, hiện sống với anh Q.

Buộc anh Lưu Tấn Phú Q phải giao con chung là Lưu Minh H, sinh ngày 29/11/2020 cho chị Nguyễn Thị Thu M nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị M và anh Q trình bày không có tài sản chung và nợ chung nên không đề cập.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu M phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0005627 ngày 20/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CD, chị M đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền, thời hạn kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện CD;
- Chi cục THADS huyện CD;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Út